

Số: 16 /TTr-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 15 tháng 01 năm 2019

### **TỜ TRÌNH**

**V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019  
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

Thực hiện chỉ đạo tại công văn số 08/CPNT2-HĐQT ngày 30/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chuẩn bị tài liệu báo cáo, trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Công ty kính trình Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019 với các nội dung như sau:

#### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được sửa đổi ban hành ngày 26/12/2017 theo Quyết định số 68/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty;
- Quyết định số 18/QĐ-CPNT2 ngày 24/4/2018 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 59/QĐ-CPNT2 ngày 26/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chi tiết kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Công văn số 08/CPNT2-HĐQT ngày 30/01/2019 của HĐQT Công ty về chuẩn bị tài liệu báo cáo, trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

#### **II. NỘI DUNG**

##### **1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2018**

Năm 2018 là năm khó khăn cho các đơn vị của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP nói chung và cả Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) nói riêng. Đặc biệt các khó khăn, bất lợi ảnh hưởng đến kết quả SXKD của NT2, cụ thể như sau:

- **Qc năm 2018 giảm thấp hơn các năm trước 237 tr.kWh** (giảm từ 4.261 tr.kWh còn 4.024 tr.kWh): Qc giảm gây thiếu hụt doanh thu cố định theo Hợp đồng (khoảng 116 tỷ đồng).
- Thời tiết bất lợi cho các nhà máy nhiệt điện, Miền Nam có mưa liên tục trong các tháng 1-2/2018 và mùa mưa từ tháng 7-10/2018: phụ tải, giá thị trường mùa mưa thấp nên doanh thu của phần sản lượng điện thị trường không bù đủ chi phí nhiên liệu. Vì vậy, NT2 phải cân đối lên/xuống tổ máy và giảm sản lượng phát để tối ưu lợi

nhuận.

- Các mỏ khí suy giảm và sự cố nên lượng khí cung cấp không đáp ứng đủ nhu cầu vận hành: Trong các tháng mùa khô (tháng 3-6/2018) và từ đầu tháng 11/2018 đến hết tháng 12/2018, có nhiều ngày NT2 không thể phát cao theo nhu cầu thị trường do thiếu khí dẫn đến sản lượng điện phát thấp hơn Qc gây sụt giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giá khí tăng cao so với 2017: Dẫn đến tăng giá thành sản xuất và giá chào của NT2 làm giảm khả năng cạnh tranh và thứ tự ưu tiên huy động, gây sụt giảm sản lượng điện và biên lợi nhuận của phần sản lượng điện thị trường. Giá khí trung bình năm 2018 là 7,1 USD/MMBTU, cao hơn kế hoạch 16% (6,06 USD/MMBTU) và tăng hơn 20% so với 2017.

Các điều kiện khó khăn khách quan như trên đã tác động làm sụt giảm hiệu quả SXKD năm 2018 của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn nỗ lực hết mình để vượt qua những thách thức nêu trên và tiếp nối truyền thống là một trong những đơn vị đứng đầu của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam luôn luôn đạt thành tích cao trong những năm trước. Kết quả Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vận hành an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Bên cạnh đó, Công ty cũng vinh dự nhận được (i) Doanh nghiệp vì người lao động năm 2018; (ii) Vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu năm 2018; (iii) Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018; (iv) Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2018.

*(Chi tiết theo Phụ lục 1-Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 đính kèm).*

## **2. Kế hoạch SXKD năm 2019**

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2018 và nhận định tình hình kinh tế năm 2019 tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, còn nhiều rủi ro, khả năng huy động thị trường cạnh tranh gay gắt, hệ số phân bổ Qc thấp,... Tuy nhiên, tiếp nối truyền thống là một trong những đơn vị của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam luôn luôn đạt thành tích cao trong những năm trước, Công ty vẫn kỳ vọng xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 với các chỉ tiêu rất khả quan, chi tiết như sau:

| Stt | Chỉ tiêu             | Đvt                | Kế hoạch năm 2019 |
|-----|----------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Sản lượng điện       | Tr.kWh             | 4.650             |
| 2   | Khối lượng khí       | Tr.Sm <sup>3</sup> | 855               |
| 3   | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng            | 7.482             |
| 4   | Tổng chi phí         | Tỷ đồng            | 6.700             |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng            | 782               |

| Stt | Chỉ tiêu           | Đvt     | Kế hoạch năm 2019 |
|-----|--------------------|---------|-------------------|
| 6   | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 743               |
| 7   | Cổ tức dự kiến     | %       | 25                |

(Chi tiết theo Phụ lục 2- Kế hoạch SXKD năm 2019 đính kèm).

### III. KẾT LUẬN

Công ty kính trình HĐQT xem xét thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để Công ty làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TBKS;
- Các P.GĐ;
- Các Phòng chức năng/PXVH;
- Lưu VT, KTKH.

**Đính kèm:**

- Phụ lục 1: Báo cáo kết quả SXKD năm 2018;
- Phụ lục 2: Kế hoạch SXKD năm 2019.

**GIÁM ĐỐC**



Ngô Đức Nhân

## PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

### 1. Tình hình vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường

- Công tác vận hành các tổ máy trong năm 2018 đều khả dụng theo thị trường phát điện cạnh tranh và không có sự cố bất thường thiết bị lớn nào xảy ra. Trong dịp lễ tết, ngày phụ tải thấp, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chủ động chào giá ngừng dự phòng theo thị trường điện để đảm bảo tối ưu hiệu quả vận hành và kinh tế.
- Công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên luôn được NT2 kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị không xảy ra sự cố chủ quan nghiêm trọng nào.
- Công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ: Kết thúc công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ công suất mỗi tổ máy tăng 3MW so với trước thời điểm tiêu tu và vượt tiến độ đảm bảo an toàn tuyệt đối, chất lượng sửa chữa đảm bảo.
- Tình hình cung cấp khí: Kể từ ngày 27/3/2018 đến đầu tháng 6/2018, các mỏ khí NCS bên cạnh khả năng cấp khí bị suy giảm, còn bị sự cố 01 máy nén khí của Lô 06.1 (đến ngày 05/6/2018 mới khắc phục xong). Vì vậy, các tổ máy Nhơn Trạch 2 trong khoảng từ cuối tháng 3 và đặc biệt là tháng 5 phải giảm công suất phát không theo nguyên tắc thị trường trong khi nhu cầu huy động theo lập lịch giá thị trường của A0 hầu như tối đa. Đồng thời trong năm 2018 các mỏ khí cấp cho NMD NT2 suy giảm theo lộ trình nên trong Quý IV/2018 mặc dù giá thị trường, nhu cầu phụ tải cao NMD NT2 cũng phải giảm công suất phát không theo nguyên tắc thị trường.

### 2. Đánh giá kết quả SXKD thực hiện năm 2018

#### *Thực hiện các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2018*

| STT | Nội dung                      | ĐVT     | Kế hoạch | Thực hiện | Đánh giá  |
|-----|-------------------------------|---------|----------|-----------|-----------|
|     |                               |         | (1)      | (2)       | (3 = 2/1) |
| 1   | Sản lượng điện                | Tr. kWh | 4.600    | 4.750     | 103%      |
| 2   | Tổng doanh thu, thu nhập khác | Tỷ đồng | 6.971,13 | 7.773,97  | 112%      |
| 3   | Tổng chi phí                  | Tỷ đồng | 6.182,28 | 6.950,14  | 112%      |
| 4   | LN trước thuế                 | Tỷ đồng | 788,85   | 823,83    | 104%      |
| 5   | LN sau thuế                   | Tỷ đồng | 749,41   | 782,16    | 104%      |
| 6   | NSNN                          | Tỷ đồng | 259,40   | 260,38    | 100,38    |

*(Xem Biểu 1 Tổng hợp kết quả SXKD năm 2018 đính kèm)*

**Đánh giá:**

- Sản lượng điện năm 2018 vượt 03 % so với kế hoạch năm 2018. Tỷ lệ sản lượng điện chỉ vượt kế hoạch 03% là do các nguồn khí cấp cho Nhà máy điện bị suy giảm dẫn đến Nhà máy không được huy động cao trong thị trường điện, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao để công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ được thực hiện tốt vượt tiến độ đảm bảo nhà máy luôn luôn khả dụng đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống nhằm gia tăng sản lượng điện phát.
- Tổng doanh thu, thu nhập khác năm 2018 vượt 12% so với kế hoạch doanh thu năm 2018. Doanh thu vượt kế hoạch do Công ty gia tăng hiệu quả trong thị trường điện và giá khí tăng so với giá khí kế hoạch được phê duyệt.
- Tổng chi phí năm 2018 vượt 12% so với kế hoạch chi phí năm 2018. Nguyên nhân, Năm 2018 là năm hết sức khó khăn với các Nhà máy nhiệt điện trong hệ thống điện, trong đó có NMD NT2 nên Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo tiết kiệm, tiết giảm tối đa các chi phí không cấp thiết nên các chi phí quản lý, đào tạo, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở... đều thấp hơn chi phí kế hoạch được phê duyệt. Tuy nhiên Tổng chi phí năm 2018 vẫn tăng 12% so với chi phí kế hoạch được phê duyệt là do chi phí đầu vào nhiên liệu (giá khí thực tế) cao hơn so với giá khí kế hoạch được phê duyệt do giá dầu thế giới tăng cao.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 vượt 04% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2018. Lý do, cụ thể như sau:
  - + Qc năm 2018 giảm thấp hơn các năm trước (giảm từ 4,26 tỷ kWh còn 4,024 tỷ kWh) do Cấp thẩm quyền điều chỉnh dẫn đến khó khăn thiếu hụt phần doanh thu khoảng 116 tỷ đồng, trong khi giá thị trường tăng không đáng kể nên phần doanh thu thị trường không bù đắp đủ phần doanh thu thiếu hụt này.
  - + Giá khí đầu vào theo giá dầu thế giới tăng cao hơn so với giá khí đầu vào lập kế hoạch;
  - + Thời điểm mùa khô (tháng 3-6 và tháng 11-12, tương đương 6 tháng trong năm 2018) nhu cầu phụ tải và giá thị trường tăng cao thì bị sự cố thiếu khí hoặc không đủ khí để chạy do các mỏ khí suy giảm;
  - + Nhu cầu huy động và giá thị trường thấp vào các tháng mùa mưa nên Công ty phải cân đối lợi nhuận và sản lượng điện nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất.

Với tình hình khó khăn như trên nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt kế hoạch năm 2018 được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao trong bối cảnh đa số các nhà máy nhiệt điện (than, khí) khác trong cùng hệ thống điện không hoàn thành kế hoạch. Kết quả SXKD năm 2018 đạt được như trên là nhờ Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV PVPower NT2 đã nhận định được những khó khăn thách thức từ đầu năm và chỉ đạo sát sao công tác vận hành SXKD, cũng như tiết giảm, tiết kiệm tối đa chi phí, đặt mục tiêu hoàn thành kế hoạch theo từng giai đoạn để tập trung nỗ lực hết mình nhằm hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018.

### **3. Công tác tài chính kế toán**

- Thực hiện tốt công tác phân loại thu hồi công nợ tiền điện. Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán, trả nợ vay.
- Trả nợ vay nước ngoài 02 đợt với giá trị: Đợt 01 là 12.449.462,46 USD, 11.143.756,77 EUR, tương ứng 580.424.196.209 VNĐ và đợt 02 là 12.581.333,25 USD, 11.031.023,32 EUR, tương ứng 591.818.257.525 VNĐ.
- Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Thực hiện trả tiền cổ tức cho cổ đông 03 đợt:
  - + Ngày 30/05/2018: 575.752.058.000 VNĐ;
  - + Ngày 30/07/2018: 803.749.872.968 VNĐ;
  - + Ngày 28/09/2018: 431.814.043.500 VNĐ.

### **4. Công tác tham gia thị trường điện**

Tình hình thị trường điện diễn biến phức tạp, thời điểm nhu cầu phụ tải và giá thị trường tăng cao trong mùa khô (tháng 3-6 thì bị sự cố thiếu khí và từ tháng 7-9/2018 thời tiết bất lợi mưa liên tục trên diện rộng nên công tác chào giá điện gặp nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

- Trong các tháng mùa khô từ tháng 3-6 và tháng 11-12 năm 2018 giá thị trường tăng cao nhưng các mỏ khí NCS bên cạnh khả năng cấp khí bị suy giảm, còn bị sự cố (01 máy nén khí của Lô 06.1 bị sự cố từ ngày 27/03/2018 đến ngày 05/06/2018 mới khắc phục được) nên tổng lưu lượng khí cấp cho tất cả các nhà máy điện khí khu vực Đông Nam Bộ giảm từ 21 tr.Sm<sup>3</sup>/ngày xuống 18,5 tr.Sm<sup>3</sup>/ngày (sau khi khắc phục sự cố máy nén, sản lượng khí cung cấp chỉ còn khoảng 19,5 tr.Sm<sup>3</sup>/ngày) nên trong tháng 3-6 và tháng 11-12 năm 2018 các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 2 liên tục phải giảm công suất do lưu lượng khí không đủ để duy động theo lập lịch giá thị trường của A0.
- Thời điểm từ tháng 7-9/2018: Vào mùa mưa, giá thị trường giảm thấp (các giờ thấp điểm cuối tuần đều 1 đồng/kWh). NT2 phải cân đối bản chào ngừng luân phiên các tổ máy vào cuối tuần để tối ưu hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo sản lượng điện kế hoạch được giao.

Tóm lại, việc phải giảm công suất phát liên tục trong khi sản lượng Hợp đồng Qc trong mùa khô được giao rất cao và giá thị trường điện hầu hết các chu kỳ đều đang ở mức giá trần dẫn đến sản lượng điện, doanh thu và lợi nhuận của Nhơn Trạch 2 bị sụt giảm (các giờ ban đêm giá thị trường cao nhưng phải phát tải tối thiểu dẫn đến lợi nhuận bị âm), điều này làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế năm 2018 chỉ tăng 4% so với KH.

### **5. Công tác thương mại Hợp đồng**

- Hợp đồng mua bán điện được thực hiện tốt, công tác phối hợp và xử lý với các bên chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra và thanh toán tiền điện hàng tháng cho PVPower NT2 đúng thời

gian quy định;

- Hợp đồng mua bán khí: Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc.
- Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được thực hiện tốt..
- Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị đúng theo quy định và tiếp tục quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

#### **6. Công tác an toàn sức khỏe môi trường và PCCC**

- Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành Nhà máy.
- Thứ 3 và thứ 6 hàng tuần thực hiện kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn Công ty; Thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy trong Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

#### **7. Công tác tổ chức lao động, đào tạo, khoa học công nghệ**

- Lao động bình quân năm 2018 là 183 người.
- Đào tạo trong năm 2018 là 238 lượt người với chi phí 1,64 tỷ đồng.
- Công tác khoa học công nghệ:
  - + Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất kinh doanh.
  - + Ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.

#### **8. Công tác an sinh xã hội**

- Thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...;
- Tặng quà cho các hộ nghèo đón Tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 của 4 xã: Phước Khánh, Phước An, Vĩnh Thanh và Long Thọ; Hỗ trợ tặng quà làm hành trang để các con em an tâm lên đường nhập ngũ bảo vệ tổ quốc thuộc Chi bộ Ấp 3 thuộc Đảng ủy xã Phước Khánh; Tài trợ tặng quà trợ giúp đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình, Tài trợ xây dựng Trường mầm non cho xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Tài trợ xây dựng Trường mầm non xã Việt Xuyên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; Tài trợ an sinh xã hội cho Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Nghệ An để xây dựng Nhà tình nghĩa... Tổng chi phí an sinh xã hội đã thực hiện trong năm 2018 là 7,26 tỷ đồng.

#### **9. Kết luận**

Năm 2018 là năm có nhiều khó khăn, bất lợi đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD và gây khó khăn trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của Công ty.

Tuy nhiên, cùng với sự lãnh đạo xuyên suốt, toàn diện của Đảng ủy và Lãnh đạo cấp trên, toàn thể CBCNV Công ty với tinh thần đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, hỗ trợ lẫn nhau đã cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Bên cạnh đó, Công ty cũng vinh dự nhận được (i) Doanh nghiệp vì người lao động năm 2018; (ii) Vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu năm 2018; (iii) Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018; (iv) Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2018.

Trên đây là những tiền đề vững chắc, rất quan trọng làm cơ sở cho toàn thể CBCNV NT2 phấn khởi, tin tưởng, thi đua để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tạo đà phát triển bền vững cho những năm tiếp theo.





## **PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2018 nêu trên và nhận định tình hình kinh tế năm 2019 tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, còn nhiều rủi ro, NT2 xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 và các giải pháp thực hiện như sau:

### **I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH**

| <b>Stt</b> | <b>Chỉ tiêu</b>      | <b>Đvt</b> | <b>Kế hoạch năm 2019</b> |
|------------|----------------------|------------|--------------------------|
| 1          | Sản lượng điện       | Tr.kWh     | 4.650                    |
| 2          | Khối lượng khí       | Tr.Sm3     | 855                      |
| 3          | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng    | 7.482                    |
| 4          | Tổng chi phí         | Tỷ đồng    | 6.700                    |
| 5          | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng    | 782                      |
| 6          | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng    | 743                      |
| 7          | Cổ tức dự kiến       | %          | 25                       |

(Xem Biểu 2-3 Kế hoạch SXKD năm 2019 đính kèm)

### **II. CÁC MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2019**

#### **1. Nhiệm vụ kế hoạch SXKD**

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Thực hiện tốt công tác tiêu tu các tổ máy của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 dự kiến vào tháng 9/2019 và triển khai các công tác phục vụ trung tu năm 2020.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Chú trọng công tác thị trường điện, nâng cấp bộ máy để sẵn sàng tham gia vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong năm 2019 theo Quyết định số 4391/QĐ-BCT ngày 26/11/2018.
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.
- Công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng/dự phòng và các trang thiết bị khác đúng theo quy chế/quy định.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy trình/quy phạm trong việc quản lý vận hành nhà

máy, các quy định quản lý nội bộ.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và làm chủ công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành/bảo dưỡng/sửa chữa Nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho đội ngũ vận hành.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí.
- Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.
- Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác.

## **2. Công tác đầu tư phát triển**

- Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019**

Để hoàn thành mục tiêu đề ra, NT2 xây dựng các biện pháp thực hiện đảm bảo hoàn thành kế hoạch như sau:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành. Thực hiện tốt công tác tiêu tu 02 tổ máy tuabin khí đạt tiến độ đề ra.
- Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong thị trường điện đảm bảo tối ưu công tác vận hành để đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội.

Trân trọng.

**BIỂU 1**
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

| TT         | Nội dung                           | Đơn vị            | Kế hoạch         | Thực hiện        | Tỷ lệ          |
|------------|------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|----------------|
| <b>A</b>   | <b>KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG</b>          |                   |                  |                  |                |
| <b>I</b>   | <b>Sản lượng điện thương mại</b>   | <b>Tr. Kwh</b>    | <b>4,600</b>     | <b>4,750</b>     | <b>103%</b>    |
| <b>II</b>  | <b>Khối lượng khí tiêu thụ</b>     | <b>Triệu Sm3</b>  | <b>847</b>       | <b>880</b>       | <b>104%</b>    |
| <b>B</b>   | <b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>          |                   |                  |                  |                |
| <b>I</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>              | <b>Triệu đồng</b> | <b>6,971,126</b> | <b>7,773,970</b> | <b>112%</b>    |
| 1          | Doanh thu từ sản xuất điện         | "                 | 6,952,372        | 7,669,729        | 110%           |
| 2          | Doanh thu hoạt động tài chính      |                   | 18,754           | 73,337           | 391%           |
| -          | Lãi tiền gửi                       |                   |                  | 42,556           |                |
| -          | Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán | "                 | 6,212            | 17,959           | 289%           |
| -          | CLTG đánh giá lại cuối kỳ          | "                 | 12,542           | 12,822           | 102%           |
| 3          | Thu nhập khác                      |                   |                  | 30,904           |                |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                | <b>Triệu đồng</b> | <b>6,182,273</b> | <b>6,950,141</b> | <b>112%</b>    |
| 1          | Chi phí sản xuất điện              | "                 | 6,172,882        | 6,936,915        | 112%           |
| 2          | Chi phí khác                       |                   |                  | 1,804            |                |
| 3          | CLTG đánh giá lại cuối kỳ          |                   | 9,391            | 11,423           | 122%           |
| <b>III</b> | <b>Xử lý tài chính</b>             | <b>Triệu đồng</b> |                  |                  |                |
| 1          | Lợi nhuận trước thuế               | "                 | 788,853          | 823,829          | 104%           |
| 2          | Lợi nhuận sau thuế                 | "                 | 749,410          | 782,158          | 104%           |
| <b>IV</b>  | <b>Nộp ngân sách</b>               | <b>Triệu đồng</b> | <b>259,400</b>   | <b>260,379</b>   | <b>100.38%</b> |
| <b>V</b>   | <b>Giá thành sản xuất điện</b>     | <b>đồng/kWh</b>   | <b>1,342</b>     | <b>1,463</b>     | <b>109%</b>    |
|            |                                    | <b>UScent/kWh</b> | <b>5.83</b>      | <b>6.36</b>      | <b>109%</b>    |
| <b>VI</b>  | <b>Kế hoạch mua sắm và dịch vụ</b> | <b>Triệu đồng</b> | <b>114,721</b>   | <b>84,980</b>    | <b>74%</b>     |
| <b>C</b>   | <b>CÁC CHỈ TIÊU KHÁC</b>           |                   |                  |                  |                |
| <b>I</b>   | <b>Kế hoạch lao động</b>           |                   |                  |                  |                |
| 1          | Lao động định biên                 | Người             | 195              | 186              | 95%            |
| 2          | Lao động bình quân                 | Người             | 195              | 183              | 94%            |
| <b>II</b>  | <b>Kế hoạch đào tạo</b>            |                   |                  |                  |                |
| 1          | Kế hoạch đào tạo                   | Lượt người        | 182              | 238              | 131%           |
| 2          | Kinh phí đào tạo                   | Triệu đồng        | 3,211            | 1,636            | 51%            |

**BIỂU 2**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 PV Power NT2**

| TT        | Các chỉ tiêu                                                      | Đơn vị           | Kế hoạch năm 2019 |           |           |           |           |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|           |                                                                   |                  | Tổng số           | Quý I     | Quý II    | Quý III   | Quý IV    |
|           | <b>VỐN ĐIỀU LỆ</b>                                                | Triệu đồng       | 2,878,760         |           |           |           |           |
| <b>A</b>  | <b>KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG</b>                                         |                  |                   |           |           |           |           |
| I         | Sản lượng điện thương mại                                         | Tr. Kwh          | 4,650             | 1,067     | 1,293     | 990       | 1,301     |
| II        | Khối lượng khí tiêu thụ                                           | Triệu Sm3        | 855               | 196       | 238       | 182       | 239       |
| <b>B</b>  | <b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>                                         |                  |                   |           |           |           |           |
| I         | Tổng doanh thu                                                    | Triệu đồng       | 7,481,974         | 1,726,848 | 2,069,721 | 1,612,564 | 2,072,841 |
| 1         | Doanh thu từ sản xuất điện                                        | "                | 7,481,974         | 1,726,848 | 2,069,721 | 1,612,564 | 2,072,841 |
| 2         | Doanh thu hoạt động tài chính (CLTG)                              |                  |                   |           |           |           |           |
| -         | Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán                                | "                |                   |           |           |           |           |
| -         | CLTG đánh giá lại cuối kỳ                                         |                  |                   |           |           |           |           |
| II        | Tổng chi phí                                                      | Triệu đồng       | 6,699,522         | 1,570,121 | 1,816,708 | 1,486,120 | 1,826,574 |
| 1         | Chi phí sản xuất điện                                             | "                | 6,698,716         | 1,570,121 | 1,816,708 | 1,486,120 | 1,825,768 |
| 2         | Chi phí hoạt động tài chính (CLTG)                                | "                |                   |           |           |           | 807       |
| -         | Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán                                | "                |                   |           |           |           | 54        |
| -         | CLTG đánh giá lại cuối kỳ                                         | "                |                   |           |           |           | 753       |
| III       | Xử lý tài chính                                                   | Triệu đồng       |                   |           |           |           |           |
| 1         | Lợi nhuận trước thuế                                              |                  | 782,452           | 156,728   | 253,013   | 126,444   | 246,267   |
| 2         | Lợi nhuận sau thuế                                                |                  | 743,330           | 148,892   | 240,362   | 120,122   | 233,954   |
| IV        | Trích các quỹ                                                     | Triệu đồng       | 22.830            |           |           |           |           |
| 1         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLĐ và quỹ thưởng của người quản lý | Triệu đồng       | 22.830            |           |           |           |           |
| V         | Tỷ lệ chia cổ tức                                                 | %                | 25%               |           |           |           |           |
| VI        | Nộp ngân sách                                                     | Triệu đồng       | 262,929           | 58,895    | 75,122    | 53,986    | 74,926    |
| VII       | Giá thành sản xuất điện                                           | đồng/kWh         | 1,441             | 1,472     | 1,405     | 1,502     | 1,403     |
|           |                                                                   | UScent/kWh       | 6.26              | 6.40      | 6.11      | 6.53      | 6.10      |
| VIII      | Kế hoạch mua sắm và dịch vụ                                       | Triệu đồng       | 143,940           |           |           |           |           |
| <b>IX</b> | <b>CÁC CHỈ TIÊU KHÁC</b>                                          |                  |                   |           |           |           |           |
| I         | Kế hoạch lao động                                                 |                  |                   |           |           |           |           |
| 1         | Lao động định biên                                                | Người            | 195               |           |           |           |           |
| 2         | Lao động bình quân                                                | Người            | 195               |           |           |           |           |
| 3         | Năng suất lao động bình quân                                      | Tr.đồng/ng/tháng | 3,197             |           |           |           |           |
| II        | Kế hoạch đào tạo                                                  |                  |                   |           |           |           |           |
| 1         | Kế hoạch đào tạo                                                  | Lượt người       | 107               |           |           |           |           |
| 2         | Kinh phí đào tạo                                                  | Triệu đồng       | 1,904             |           |           |           |           |

**BIỂU 3****KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ KHỐI LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ**

| Tháng       | Sản lượng điện sản xuất (MWh) |                  |                  | Sản lượng điện (MWh) | SHN bình quân (BTU/kWh) | Nhiệt lượng tiêu thụ ( $10^6$ BTU) theo KH | Nhiệt trị cao của khí (BTU/SM3) | Lượng khí tiêu thụ (SM3) |
|-------------|-------------------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|             | GT11                          | GT12             | ST10             |                      |                         |                                            |                                 |                          |
| 1           | 138,901                       | 138,901          | 138,901          | 416,703              | 7,035                   | 2,931,506                                  | 38,263                          | 76,614,630               |
| 2           | 110,014                       | 110,014          | 110,014          | 230,042              | 7,035                   | 1,618,345                                  | 38,263                          | 42,295,311               |
| 3           | 134,950                       | 134,950          | 134,950          | 419,851              | 7,035                   | 2,953,652                                  | 38,263                          | 77,193,419               |
| 4           | 137,879                       | 137,879          | 137,879          | 423,637              | 7,035                   | 2,980,286                                  | 38,263                          | 77,889,509               |
| 5           | 134,823                       | 134,823          | 134,823          | 439,469              | 7,035                   | 3,091,664                                  | 38,263                          | 80,800,366               |
| 6           | 133,222                       | 133,222          | 133,222          | 429,667              | 7,035                   | 3,022,707                                  | 38,263                          | 78,998,180               |
| 7           | 131,677                       | 131,677          | 131,677          | 360,032              | 7,035                   | 2,532,825                                  | 38,263                          | 66,195,132               |
| 8           | 96,589                        | 96,589           | 96,589           | 349,748              | 7,035                   | 2,460,477                                  | 38,263                          | 64,304,146               |
| 9           | 131,583                       | 131,583          | 131,583          | 279,768              | 7,035                   | 1,968,168                                  | 38,263                          | 51,437,887               |
| 10          | 139,859                       | 139,859          | 139,859          | 419,578              | 7,035                   | 2,951,731                                  | 38,263                          | 77,143,225               |
| 11          | 138,659                       | 138,659          | 138,659          | 430,978              | 7,035                   | 3,031,930                                  | 38,263                          | 79,239,219               |
| 12          | 138,509                       | 138,509          | 138,509          | 450,527              | 7,035                   | 3,169,457                                  | 38,263                          | 82,833,480               |
| <b>Tổng</b> | <b>1,566,665</b>              | <b>1,566,665</b> | <b>1,566,665</b> | <b>4,650,000</b>     | <b>7,035</b>            | <b>32,712,750</b>                          | <b>38,263</b>                   | <b>854,944,725</b>       |